

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ  
CÔNG TY CỔ PHẦN MẠ KẼM CÔNG NGHIỆP VINGAL- VNSTEEL**

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1	<p><b>Khoản 1 Điều 1</b></p> <p>1.1. <i>Vốn điều lệ</i> là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua <b>khi thành lập doanh nghiệp</b> và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>1.2. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>1.3. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p> <p>1.6. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, <b>khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;</b></p> <p>1.7. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại <b>khoản 9 Điều 6</b> Luật chứng khoán;</p>	<p><b>Điều 1: Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>a) <i>Vốn điều lệ</i> là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua <b>khi thành lập công ty cổ phần</b> và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b) <i>Vốn có quyền biểu quyết</i> là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) <i>Luật doanh nghiệp</i> là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>d) <i>Luật chứng khoán</i> là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>h) <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;</p> <p>i) <i>Người có liên quan</i> là cá nhân, tổ chức được quy định tại <b>khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;</b></p> <p>j) <i>Cổ đông</i> là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;</p> <p>k) <i>Cổ đông sáng lập</i> là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;</p> <p>l) <i>Cổ đông lớn</i> là cổ đông được quy định tại <b>khoản 18 Điều 4</b> Luật chứng khoán</p> <p>n) <i>Sở giao dịch chứng khoán</i> là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</p>	<p><i>Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.</i></p>

2	<p><b>Khoản 2 Điều 3</b></p> <p>2. ...Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo <b>Điều 14</b> của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p><b>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</b></p> <p>2. ...Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo <b>Điều 13</b> của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p><i>Điều 13 Luật Doanh nghiệp</i></p>
3	<p><b>Điều 5</b></p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p><b>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty</b></p> <p>Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.</p>	
4	<p><b>Khoản 2 Điều 7</b></p> <p>2. ... Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 <b>Điều 120</b> Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn <b>mười lăm (15) ngày</b> ...</p>	<p><b>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</b></p> <p>2. ... Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 <b>Điều 121</b> Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn <b>hai (02) tháng</b> ...</p>	<p><i>Điều 121</i></p>
5	<p><b>Khoản 4 Điều 10</b></p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại <b>khoản 3 Điều 111</b> Luật doanh nghiệp.</p>	<p><b>Điều 10: Thu hồi cổ phần</b></p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại <b>khoản 3 Điều 112</b> Luật doanh nghiệp.</p>	<p><i>Điều 112 luật DN</i></p>
6	<p><b>Điều 11</b></p> <p>2. Hội đồng quản trị;</p> <p>3. Ban kiểm soát;</p> <p>4. Tổng giám đốc.</p>	<p><b>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</b></p> <p>2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</p> <p>3. Tổng giám đốc.</p>	
7	<p><b>Khoản 2,3 Điều 12</b></p> <p>2.9. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <b>Điều 129</b> Luật doanh nghiệp;</p>	<p><b>Điều 12. Quyền của cổ đông</b></p> <p><b>Khoản 1</b></p> <p>h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <b>Điều 132</b> Luật doanh nghiệp;</p> <p>i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p><i>Điều 132 luật DN</i></p> <p><i>Điều 115 luật DN</i></p>

	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <b>10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</b> có các quyền sau:</p> <p>3.1. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 34 Điều lệ này;</p> <p>3.2. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <b>Điều 114 và Điều 136</b> Luật doanh nghiệp;</p> <p>3.3. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <b>05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</b> có các quyền sau:</p> <p>a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp; 3.2 Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại <b>khoản 3 Điều 115 và Điều 140</b> Luật doanh nghiệp;</p> <p>b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết,... trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát....</p>	<p><i>Điều 115, 140 luật DN</i></p> <p><i>Điều 115 luật DN</i></p> <p><i>Bổ sung theo Thông tư 116</i></p>
8	<p><b>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</b></p> <p>2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>5. <u>Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</u></p> <p>Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện</p>	<p><i>Bổ sung theo Thông tư 116</i></p> <p><i>Bổ sung khoản 5 theo Điều 119 Luật DN</i></p> <p><i>Bổ sung theo</i></p>

		hành.	<i>Thông tư 116</i>
9	<p><b>Khoản 3, 4 Điều 14</b></p> <p>3.2. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>4.2 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông .... theo quy định tại <b>khoản 5 Điều 136</b> Luật Doanh nghiệp;</p>	<p><b>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</b> 1.... Hội đồng quản trị <b>quyết định gia hạn</b> họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng <b>không quá sáu (06) tháng</b> kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p><b>Khoản 4</b> b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông .... theo quy định tại <b>khoản 3 Điều 140</b> Luật Doanh nghiệp; d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><i>Bổ sung theo Thông tư 116 bỏ quy định phải báo cơ cơ quan ĐKKD</i></p> <p><i>Điều chỉnh theo Thông tư 116 không có quy định</i></p> <p><i>Điều chỉnh theo Thông tư 116</i></p>
10	<p><b>Khoản 2 Điều 15</b></p> <p>2.6. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị</p> <p>2.14. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại <b>khoản 1 Điều 162</b> Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p>	<p><b>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b> <b>Khoản 1</b> j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, <b>Ban kiểm soát</b>; k) Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; <b>Khoản 2</b> q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại <b>khoản 2 Điều 167</b> Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị</p>	<p><i>Bổ sung theo Thông tư 116</i></p> <p><i>Bổ sung theo Khoản 2 Điều 167 Luật DN</i></p> <p><i>Bổ sung theo Thông tư 116</i></p>

		<p>định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>s) Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p>	
11	<p><b>Khoản 2 Điều 16. Đại diện theo ủy quyền</b></p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản <b>theo mẫu của Công ty</b> và phải có chữ ký</p>	<p><b>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền ... thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. <b>Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</b></p>	<p><i>Theo Điều 144 Luật DN</i></p>
12	<p><b>Khoản 1 Điều 17</b></p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực <b>khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.</b></p>	<p><b>Điều 17. Thay đổi các quyền</b></p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực <b>khi được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</b></p> <p>2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc</p>	<p><i>Khoản 6, Điều 148 Luật DN</i></p>

		loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.	
13	<p><b>Khoản 2, 3, 5 Điều 18</b></p> <p>2.1. ... Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn <b>năm (05)</b> ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. ... Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <b>mười lăm (15) ngày</b> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). ... Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>...</p> <p><b>3.4. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</b></p> <p>...</p> <p>5.2. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ <b>10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng</b> theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p>	<p><b>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><b>Khoản 2</b></p> <p>a) ... Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn <b>mười (10)</b> ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. .... Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <b>hai mươi một (21)</b> ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). ... Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>...</p> <p><i>(Không có quy định Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp)</i></p> <p><b>Khoản 5</b></p> <p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ <b>5% cổ phần phổ thông trở lên</b> theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	<p><i>Khoản 1 Điều 141 luật DN</i></p> <p><i>Khoản 1 Điều 143 Luật DN</i></p> <p><i>Bổ Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp</i></p> <p><i>Điều 115 luật DN</i></p> <p><i>Bổ sung theo thông tư 116</i></p>

14	<p><b>Khoản 1 Điều 19</b> 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <b>ít nhất 51%</b> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p><b>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b> 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <b>trên 50%</b> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p><i>Theo Điều 145 luật DN</i></p>
15	<p><b>Khoản 7 Điều 20</b></p> <p>7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 <b>Điều 142</b> Luật doanh nghiệp.</p>	<p><b>Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b> 2. Việc bầu chủ tọa, thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu và Ban kiểm phiếu được quy định như sau: c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp; d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. 7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng địa điểm họp trong trường hợp sau đây: a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp; b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. 8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành. 9. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định</p>	<p><i>Bổ sung theo thông tư 116</i></p> <p><i>Bổ sung theo thông tư 116</i></p>

		chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	
16	<p><b>Khoản 1, 3 Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có <b>từ 51% trở lên</b> ...</p>	<p><b>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</b></p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu <b>trên 50%</b> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	<i>Điều chỉnh theo thông tư 116</i>
17	<p><b>Khoản 2, 3, 7, 9 Điều 22</b></p> <p>2. ... phải gửi ít nhất <b>mười lăm (15) ngày</b> trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>...</p> <p>3.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị <b>và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</b></p> <p>7. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên Website Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p>	<p><b>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. ... phải gửi ít nhất <b>mười (10) ngày</b> trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>...</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p>	<i>Theo Điều 149 Luật DN</i>



	9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <b>ít nhất 51%</b> ...	9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <b>trên 50%</b> ...	
18	<b>Khoản 1, 3, 5 Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b> 1.9. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.	<b>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Khoản 1.</b> j) Chữ ký của chủ tọa và thư ký. <u>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</u> 3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. 5. <u>Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u>	<i>Bổ sung theo Điều 150 Luật DN</i>
19	<b>Khoản 2 Điều 24</b> Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.	<b>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b> <b>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</b> <b>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội</b>	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 116</i>

		<p>đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p>	
20	<p><b>Khoản 1, 2, 4 Điều 25</b></p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông <b>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng</b> có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị...</p>	<p><b>Điều 25: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <b>10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</b> có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. ...</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.</p>	<p><i>Điều chỉnh theo Luật DN</i></p> <p><i>Bổ sung theo Thông tư 116</i></p>
21	<b>Khoản 1 Điều 26</b>	<p><b>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>2... Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</p>	<i>Bổ sung theo Điều 154 Luật DN</i>
22	<b>Khoản 2 Điều 27</b>	<p><b>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p><b>Khoản 2</b></p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp</u>;</p> <p>q) Yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh</p>	<i>Bổ sung theo Thông tư 116</i>

		<p>của công ty và của đơn vị trong công ty.</p> <p>r) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị .</p> <p>s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p><u>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ- CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</u></p>	
23	<b>Điều 28</b>	<p><b>Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<i>Bổ sung theo Thông tư 116</i>
24	<p><b>Khoản 1, 5 Điều 29.</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị bằng thể thức bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><b>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 116</i>

		<p>f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	
25	<p><b>Khoản 3, 7 Điều 31. Cuộc họp Hội đồng quản trị</b></p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p> <p>3.1. Ban kiểm soát;</p> <p>3.2. Tổng giám đốc hoặc ít nhất <b>ba (03) người điều hành khác;</b></p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất <b>năm (05) ngày làm việc trước ngày họp...</b></p>	<p><b>Điều 30. Cuộc họp Hội đồng quản trị</b></p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;</p> <p>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất <b>năm (05) người quản lý khác;</b></p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp <b>chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp.</b></p>	<p><i>Điều chỉnh theo Thông tư 116</i></p>
26	<p><b>Chưa có điều khoản này</b></p>	<p><b>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành</p>	<p><i>Bổ sung Điều khoản này theo Thông tư 116</i></p>

		<p>viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>	
27	<b>Chưa có điều khoản này</b>	<p><b>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng</p>	<i>Bổ sung Điều khoản này theo Thông tư 116</i>

		<p>quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
28	<p><b>Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp</b></p> <p>1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</p>	<p><b>Điều 34. Người điều hành Công ty</b></p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</p> <p>2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p><i>Điều chỉnh theo Thông tư 116</i></p>
29	<p><b>Điều 30 Thư ký Công ty</b></p>	<p><b>Điều 36. Thư ký Công ty</b></p> <p>Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây: ...</p> <p>e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.</p>	<p><i>Bổ sung thêm theo Khoản 5 Điều 156</i></p>

30	<p><b>Điều 35. Ứng cử, đề cử kiểm soát viên</b> Việc ứng cử, đề cử kiểm soát viên được thực hiện tương tự khoản 1 khoản 2 Điều 25 của Điều lệ này.</p>	<p><b>Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</b> 1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên. 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.</p>	<p><i>Bổ sung theo Thông tư 116</i></p>
31	<p><b>Khoản 2, 4 Điều 36. Kiểm soát viên</b> 2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <b>khoản 1 Điều 164</b> Luật doanh nghiệp... 4. Kiểm soát viên bị <b>miễn nhiệm</b> trong các trường hợp sau: 4.2. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p>	<p><b>Điều 38. Thành phần Ban kiểm soát</b> 2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <b>Điều 169</b> Luật doanh nghiệp... 4. Kiểm soát viên bị <b>bãi nhiệm</b> trong các trường hợp sau: b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p>	<p><i>Theo Điều 169 Luật DN</i>  <i>Điều chỉnh theo Thông tư 116</i></p>
32	<p><b>Khoản 3 Điều 36. Kiểm soát viên</b> 3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát <b>phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</b></p>	<p><b>Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát</b> 1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát <b>phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</b></p>	<p><i>Theo Điều 169 Luật DN</i></p>

		<p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><i>Bổ sung theo Thông tư 116</i></p>
33	<p><b>Khoản 1 Điều 37. Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>1.1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</p> <p>1.5. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>1.6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p><b>Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</b></p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p><i>Theo luật DN</i></p> <p><i>Điều chỉnh theo Thông tư 116</i></p>
34	<p><b>Khoản 3 Điều 37. Ban kiểm soát</b></p> <p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số</p>	<p><b>Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào</p>	<p><i>Điều chỉnh theo Thông tư 116</i></p>



	Kiểm soát viên trở lên dự họp.	biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên. 2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.	
35	<b>Khoản 4 Điều 37. Ban kiểm soát</b>  4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.	<b>Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên</b> Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. 2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 116</i>
36	<b>Khoản 5 Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b>	<b>Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b> 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố	<i>Bổ sung, điều chỉnh theo Thông tư 116</i>

<p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>5.1. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>5.2. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>5.3. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn</p>	<p>thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% <u>hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất</u>, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p> <p>c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu</p>	
---	---	--

	độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.	quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.	
37	<b>Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b> 3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau: 3.1. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty; 3.2. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.	<b>Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b> Bỏ khoản 3	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 116</i>
38	<b>Điều 41. Quyền điều tra sổ sách, hồ sơ</b> 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty.	<b>Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</b> 1.b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 116</i>
39	<b>Điều 46</b> 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.	<b>Điều 50. Chế độ kế toán</b> 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.	<i>Điều chỉnh theo Thông tư 116</i>

40	<p><b>Khoản 1 Điều 47</b> 1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, <b>Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán</b> (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.</p>	<p><b>Điều 51. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</b> 1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty <b>công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán</b> theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	<p><i>Thông tư 96/2020/TT-BTC quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam</i></p>
41	<p><b>Khoản 1 Điều 50. Con dấu</b> 1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.</p>	<p><b>Điều 54. Dấu của doanh nghiệp</b> 1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. 2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</p>	<p><i>Điều chỉnh theo Thông tư 116</i></p>
42	<p><b>CHƯƠNG XVIII: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b> <b>Điều 51. Chấm dứt hoạt động</b></p>	<p><b>CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY</b> <b>Điều 55. Giải thể công ty</b> <i>Nội dung không đổi</i></p>	<p><i>Điều chỉnh theo Thông tư 116</i></p>
43	<p><b>Khoản 1, 2 Điều 55</b> 1. Bản điều lệ này <b>gồm 21 chương 55 điều</b> được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp VINGAL- VNSTEEL nhất trí thông qua ngày 12 tháng 04 năm 2019 tại Đồng Nai và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.  2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó: 2.1. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương; 2.2. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 59. Ngày hiệu lực</b> 1. Bản điều lệ này <b>gồm 21 chương, 59 điều</b> được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – VNSTEEL nhất trí thông qua <b>ngày ... tháng ... năm ... tại ... ..</b> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.  2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	

	2.3. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.		
--	---	--	--